

MAKE TAG QUESTIONS

Speaking :

1. CÔ ẤY ĐẾN TỪ VIỆT NAM CÓ PHẢI KHÔNG?

She is, ..?

2. MẸ BẠN RẤT KHÉO LÉO ĐÚNG KHÔNG?

Your Mom is very, ..?

3. BẠN ĐÃ TỪNG ĐẾN HUẾ ĐÚNG KHÔNG?

You have ever, ..?

4. CÓ 1 CÁI CHỢ Ở CHỖ BẠN Ở ĐÚNG KHÔNG?

Therein your neighbourhood, ..?

5. HỌ KHÔNG ĐI CẮM TRẠI CUỐI TUẦN TRƯỚC ĐÚNG KHÔNG?

They didn'tlast weekend , ..?

6. ĐÂY LÀ XE Ô TÔ CỦA BẠN ĐÚNG KHÔNG?

This, ..?

7. ĐỪNG LÀM ỒN , ĐƯỢC KHÔNG?

Don't, ..?

8. CHÚNG TA HÃY ĐI MUA SẮM NHÉ?

- Let's?

9. TRƯỜNG BẠN MỚI ĐÚNG KHÔNG?

YOUR school?

10. EM TRAI BẠN THÍCH CHƠI CẦU LÔNG ĐÚNG KHÔNG?

Your brotherbadminton,?

TASK 2 : PHRASAL VERBS :

1. ĐI RA NGOÀI / TẮT	11. CHĂM SÓC
2. TỪ CHỐI	12. TÌM KIẾM
3. KHỞI HÀNH	13. THAM GIA VÀO.....
4. HƯ HỎNG	14. ĐẠO QUANH.....
5. TỪ BỎ	15. TRUYỀN LẠI
6. ÔN BÀI.....	16. VÚT BỎ
7. HÒA ĐỒNG	17. MẮC BỆNH
8. CẠN KIỆT.....	18. NÀY RA Ý TƯỞNG.....
9. HỌC LỖM.....	19. CẮT GIẢM.....
10. TIẾN HÀNH.....	20. TÌNH CỜ GẶP.....

Task 3 :

**run out of, get around, cut down on, taking part in, passed down, go over,
pick up, came down with, went out, throw away.**

1. My little brother _____ a cold after playing in the rain all afternoon.
2. To save money, we need to _____ -unnecessary shopping.
3. Let's _____ the lesson notes one more time to make sure we understand the key points.
4. The tradition of making pho is _____ from generation to generation in my family.
5. It's difficult for him to _____ the city without a motorbike, as public transport is limited.
6. She felt sad when she had to _____ her old childhood toys.
7. You can easily _____ new vocabulary by watching English movies with subtitles.
8. The lights _____ because we forgot to pay the electricity bill.
9. Don't worry, we won't _____ ideas for the presentation.
10. She enjoys _____ community service activities at the local center every month.

